

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 44/2025/QĐ-UBND

Hà Nội, ngày 16 tháng 7 năm 2025

### **QUYẾT ĐỊNH**

**Quy định đặc điểm kinh tế - kỹ thuật một số giống cây trồng, giống vật nuôi, giống thủy sản thực hiện kê khai giá trên địa bàn thành phố Hà Nội**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương 16 tháng 6 năm 2025;*

*Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 19 tháng 2 năm 2025; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 25 tháng 6 năm 2025;*

*Căn cứ Luật Giá ngày 19 tháng 6 năm 2023;*

*Căn cứ Luật Trồng trọt ngày 03 tháng 12 năm 2018;*

*Căn cứ Luật Chăn nuôi ngày 19 tháng 11 năm 2018;*

*Căn cứ Luật Thủy sản ngày 21 tháng 11 năm 2017;*

*Căn cứ Nghị định số 26/2019/NĐ-CP ngày 08 tháng 3 năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Thủy sản;*

*Căn cứ Nghị định số 94/2019/NĐ-CP ngày 13 tháng 12 năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Trồng trọt về giống cây trồng và canh tác;*

*Căn cứ Nghị định số 13/2020/NĐ-CP ngày 21 tháng 01 năm 2020 của Chính phủ về hướng dẫn chi tiết Luật Chăn nuôi;*

*Căn cứ Nghị định số 85/2024/NĐ-CP ngày 10 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Giá;*

*Căn cứ Nghị định số 78/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Tờ trình số 589/TTr-SNNMT ngày 14 tháng 7 năm 2025;*

*Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội ban hành Quyết định Quy định đặc điểm kinh tế - kỹ thuật một số giống cây trồng, giống vật nuôi, giống thủy sản thực hiện kê khai giá trên địa bàn thành phố Hà Nội.*

**Điều 1.** Quy định đặc điểm kinh tế - kỹ thuật một số giống cây trồng, giống vật nuôi, giống thủy sản phục vụ sản xuất nông nghiệp thực hiện kê khai giá trên địa bàn thành phố Hà Nội, gồm:

1. Giống cây trồng nông nghiệp: 06 giống (*Chi tiết tại Phụ lục 01*).
2. Giống vật nuôi: 12 giống (*Chi tiết tại Phụ lục 02*).
3. Giống thủy sản: 09 giống (*Chi tiết tại Phụ lục 03*).

**Điều 2.** Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Quyết định này quy định đặc điểm kinh tế - kỹ thuật một số giống cây trồng, giống vật nuôi, giống thủy sản thực hiện kê khai giá trên địa bàn Thành phố.

2. Đối tượng áp dụng

Quyết định này áp dụng đối với các cơ quan quản lý nhà nước được giao nhiệm vụ thực hiện quản lý nhà nước về kê khai giá; các tổ chức kinh doanh giống cây trồng, giống vật nuôi, giống thủy sản có trụ sở chính trên địa bàn Thành phố và các tổ chức, cá nhân có liên quan.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 01 năm 2026.

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố; Giám đốc các Sở: Nông nghiệp và Môi trường, Tài chính; Thủ trưởng các sở, ban, ngành Thành phố; Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã và các tổ chức, cá nhân, đơn vị có liên quan trên địa bàn Thành phố chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**KT. CHỦ TỊCH**  
**PHÓ CHỦ TỊCH**

**Nguyễn Mạnh Quyền**

**Phụ lục I**  
**Đặc điểm kinh tế - kỹ thuật giống cây trồng**

*(Kèm theo Quyết định số: 44/2025/QĐ-UBND ngày 16 tháng 7 năm 2025  
của Ủy ban nhân dân Thành phố)*

| TT | Tên chi tiết             | Số/ngày/tháng/năm ban hành<br>Quyết định lưu hành  |
|----|--------------------------|--|
| 1  | Hạt giống lúa TBR225     | Quyết định số 93/QĐ-TT-CLT ngày 24/02/2025 của Cục Trồng trọt - Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn   |
| 2  | Hạt giống lúa Bắc Thơm   | Quyết định số 185/QĐ-TT-CLT ngày 16/05/2023 của Cục Trồng trọt - Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn  |
| 3  | Hạt giống lúa VNR20      | Quyết định số 304/QĐ-TT-CLT ngày 23/8/2023 của Cục Trồng trọt - Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn   |
| 4  | Hạt giống lúa Thiên ưu 8 | Quyết định số 58/QĐ-TT-CLT ngày 05/3/2015 của Cục Trồng trọt - Bộ Nông nghiệp và phát triển nông thôn.   |
| 5  | Hạt giống lúa Khang dân  | Quyết định số 283/QĐ-TT-CLT ngày 06/10/2022 của Cục Trồng trọt - Bộ Nông nghiệp và phát triển nông thôn. |
| 6  | Hạt giống lúa BC15       | Quyết định số 354/QĐ-TT-CLT ngày 22/11/2022 của Cục Trồng trọt - Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn  |

*\* Trường hợp các quyết định lưu hành được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế bằng văn bản khác thì áp dụng quy định tại văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế.*

**Phụ lục II**  
**Đặc điểm kinh tế - kỹ thuật giống vật nuôi**

*(Kèm theo Quyết định số: 44/2025/QĐ-UBND ngày 16 tháng 7 năm 2025  
của Ủy ban nhân dân Thành phố)*

| TT         | Tên chi tiết   | Ghi chú   |
|------------|--|---|
| <b>I</b>   | <b>Giống lợn ngoại</b>                                     | Chỉ tiêu chất lượng bắt buộc phải công bố và mức chất lượng giống được quy định tại phụ lục V Thông tư 21/2024/TT-NNPTNT ngày 11/12/2021 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn |
| 1          | Landrace   |   |
| 2          | Yorkshire  |   |
| 3          | Duroc  |   |
| 4          | Pietrain   |   |
| <b>II</b>  | <b>Giống lợn lai</b>                                       |   |
| 1          | Các tổ hợp lai giữa các giống lợn nêu tại mục I            |   |
| <b>III</b> | <b>Giống gà nội</b>  |   |
| 1          | Gà Mía   |   |
| <b>IV</b>  | <b>Giống gà ngoại</b>                                      |   |
| 1          | Gà Sacsso  |   |
| 2          | Gà Kabir   |   |
| 3          | Gà Leughorn  |   |
| 4          | Gà Ai cập  |   |
| 5          | Gà Ross  |   |
| <b>V</b>   | <b>Giống gà lai</b>  |   |
| 1          | Các tổ hợp lai giữa các giống gà nêu tại mục III và mục IV |   |

*\* Trường hợp các văn bản trích dẫn được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế bằng văn bản khác thì áp dụng quy định tại văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế*

**Phụ lục III**  
**Đặc điểm kinh tế - kỹ thuật giống thủy sản**

*(Kèm theo Quyết định số: 44/2025/QĐ-UBND ngày 16 tháng 7 năm 2025  
của Ủy ban nhân dân Thành phố)*

| <b>TT</b> | <b>Tên chi tiết</b> | <b>Ghi chú</b>  |
|-----------|---------------------|---|
| 1         | Cá Chép V1          | Các chỉ tiêu kỹ thuật tuân theo QCVN 02-33-1:2020/BNNPTNT tại Thông tư số 05/2020/TT-BNNPTNT ngày 16/3/2020 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn  |
| 2         | Cá rô phi vàng      |   |
| 3         | Cá rô phi xanh      |   |
| 4         | Cá rô phi lai xa    |   |
| 5         | Cá Trắm cỏ          | Các chỉ tiêu kỹ thuật tuân theo QCVN 02-33-3:2021/BNNPTNT tại Thông tư số 14/2021/TT-BNNPTNT ngày 01/12/2021 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn |
| 6         | Cá Trắm đen         |   |
| 7         | Cá Trôi Ấn độ       |   |
| 8         | Cá Mrigal           |   |
| 9         | Cá Nheo Mỹ          |   |

*\* Trường hợp các văn bản trích dẫn được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế bằng văn bản khác thì áp dụng quy định tại văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế*